



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều của
Luật Phòng, chống mua bán người

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người ngày tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người về cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân; tổ chức, hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ, trình tự, thủ tục thực hiện chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân....

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống mua bán người; người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác phòng, chống mua bán người.

Chương II
CƠ SỞ HỖ TRỢ NẠN NHÂN

Mục 1
CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN GIẤY
PHÉP THÀNH LẬP CƠ SỞ HỖ TRỢ NẠN NHÂN

Điều 3. Điều kiện thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Điều kiện thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân:

- a) Có trụ sở làm việc ổn định, thuận tiện giao thông;
- b) Diện tích đất tự nhiên tối thiểu 15 m²/nạn nhân; diện tích phòng ở bình quân 05 m²/nạn nhân;
- c) Có trang thiết bị, phương tiện phù hợp với nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân;
- d) Có ít nhất 05 (năm) nhân viên, trong đó 02 (hai) nhân viên có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành công tác xã hội.

2. Quy định cụ thể về các điều kiện thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân quyết định tại khoản 1 Điều này....

Điều 4. Thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), nơi cơ sở hỗ trợ nạn nhân dự kiến đặt trụ sở có thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân (sau đây gọi tắt là Giấy phép thành lập).

Điều 5. Trình tự gửi, tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thành lập gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị định này đến Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, nơi dự kiến đặt trụ sở để thẩm định.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập

1. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép thành lập theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

2. Đề án thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân, bao gồm các nội dung: Sự cần thiết; mục tiêu; nhiệm vụ; cơ cấu tổ chức, nhân sự; các điều kiện đảm bảo hoạt động; tính khả thi của đề án.

3. Lý lịch cá nhân của người dự kiến đứng đầu cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

4. Các giấy tờ và văn bản có liên quan chứng minh đủ các điều kiện để thành lập cơ sở theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 7. Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập

1. Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh thẩm định những nội dung sau đây:

- a) Sự cần thiết thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân;
- b) Mục tiêu, phạm vi hoạt động, tên gọi, nhiệm vụ và quyền hạn; cơ cấu tổ chức, nhân sự; cơ chế tài chính;
- c) Điều kiện bảo đảm hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân khi được phép thành lập;
- d) Tính khả thi của việc thành lập, hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh phải thực hiện thẩm định và có văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 8. Quyết định cấp Giấy phép thành lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ văn bản đề xuất của Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh quyết định việc cấp Giấy phép thành lập.

2. Giấy phép thành lập có thời hạn tối đa là 05 (năm) năm, gồm các nội dung chính sau:

- a) Tên cơ sở, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax (nếu có);
- b) Họ và tên người đứng đầu;
- c) Phạm vi hoạt động, các dịch vụ hỗ trợ.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mẫu Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

4. Thời hạn cấp Giấy phép thành lập:

a) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cấp Giấy phép thành lập;

b) Trường hợp không cấp Giấy phép thành lập, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 9. Các trường hợp không cấp Giấy phép thành lập

- 1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài.
- 2. Tổ chức cá nhân Việt Nam thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này;
- b) Việc thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội hoặc lợi dụng việc thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;
- c) Hồ sơ không hợp lệ.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập

1. Giấy phép thành lập phải sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi người đứng đầu;
- b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở;
- c) Thay đổi tên gọi, phạm vi hoạt động, dịch vụ hỗ trợ được cấp phép.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập, gồm:

- a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;
- b) Bản sao Giấy phép thành lập đã được cấp;
- c) Văn bản, tài liệu chứng minh việc thay đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi, tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép thành lập phải gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh để làm thủ tục sửa đổi, bổ sung.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập.

6. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập.

Trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Cấp lại Giấy phép thành lập

1. Tổ chức, cá nhân được cấp lại Giấy phép thành lập trong trường hợp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh Giấy phép thành lập bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giấy phép thành lập bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy, tổ chức, cá nhân phải gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh để làm thủ tục cấp lại.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc cấp lại Giấy phép thành lập.

6. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại Giấy phép thành lập.

Trường hợp không đồng ý cấp lại Giấy phép thành lập, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Gia hạn Giấy phép thành lập

1. Tổ chức, cá nhân được gia hạn Giấy phép thành lập khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhu cầu tiếp tục thực hiện các hoạt động hỗ trợ nạn nhân;

b) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không vi phạm pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn gồm:

a) Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

b) Báo cáo về tình hình hỗ trợ nạn nhân của cơ sở tính đến thời điểm đề nghị gia hạn và phương hướng hoạt động tiếp theo của cơ sở;

c) Bản gốc Giấy phép thành lập đã được cấp.

3. Trong thời hạn ít nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc, trước khi Giấy phép thành lập hết hạn, tổ chức, cá nhân phải gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh để làm thủ tục gia hạn.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc gia hạn Giấy phép thành lập.

6. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn Giấy phép thành lập. Thời hạn gia hạn Giấy phép thành lập tối đa là 05 (năm) năm.

Trường hợp không đồng ý gia hạn Giấy phép thành lập, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 2

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ HỖ TRỢ NẠN NHÂN

Điều 13. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân được thành lập, tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, tự trang trải kinh phí; hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân chỉ được thực hiện các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân trong phạm vi Giấy phép thành lập; tuân thủ pháp luật, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác hỗ trợ nạn nhân của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật và các quy định khác có liên quan.

2. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phối hợp thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn cho nạn nhân theo quy định của pháp luật.

3. Được tuyển dụng lao động làm việc tại cơ sở. Việc tuyển dụng, sử dụng lao động thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.

4. Được huy động các nguồn tài trợ trong nước và ngoài nước để thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Hoạt động theo đúng nội dung, phạm vi hoạt động quy định trong Giấy phép thành lập.

2. Trách nhiệm thông báo hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân:

a) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập, cơ sở hỗ trợ nạn nhân phải thông báo trên báo địa phương hoặc báo Trung ương trong 05 (năm) số liên tục các thông tin về tên gọi, địa chỉ liên lạc, lĩnh vực hoạt động, tài khoản, họ và tên người đứng đầu, số điện thoại;

b) Trước 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu hoạt động, cơ sở phải thông báo bằng văn bản với Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh về ngày bắt đầu hoạt động và lĩnh vực hoạt động;

c) Tại trụ sở chính của cơ sở phải có biển đề tên của cơ sở hỗ trợ nạn nhân, số điện thoại, địa chỉ. Trường hợp cần dùng tiếng nước ngoài, thì cỡ chữ nước ngoài phải nhỏ hơn và viết ở phía dưới chữ tiếng Việt. Cơ sở phải có sơ đồ các bộ phận làm việc và phải được niêm yết công khai cùng bản sao Giấy phép thành lập (có công chứng) tại trụ sở.

3. Báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động hỗ trợ nạn nhân với Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh theo quy định.

Điều 16 Tạm thời đình chỉ hoạt động, thu hồi Giấy phép thành lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân chưa đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 4 Nghị định này; không thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn chuyên môn về hỗ trợ nạn nhân của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không hoạt động trong thời gian 06 (sáu) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập; ngừng hoạt động 06 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo với Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh;

b) Có dấu hiệu hoặc căn cứ cho rằng cơ sở lợi dụng hoạt động hỗ trợ nạn nhân để mua bán người, mua bán trẻ em; bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc tiến hành các hoạt động bất hợp pháp khác;

c) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân không báo cáo định kỳ theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hoạt động của cơ sở; không gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày cơ quan thanh tra, kiểm tra yêu cầu bằng văn bản;

d) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân vi phạm các quy định về cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập theo quy định tại Mục 1 Chương II Nghị định này;

đ) Hết thời hạn tạm thời, đình chỉ hoạt động mà cơ sở hỗ trợ nạn nhân không thực hiện theo các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản về việc vi phạm của cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định tại khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Giám đốc Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh phải làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy phép thành lập của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Giám đốc Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tạm thời đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy phép thành lập.

Điều 17. Chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân

1. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập;

b) Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập mà tổ chức, cá nhân thành lập không đề nghị gia hạn;

c) Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập mà không được cơ quan có thẩm quyền gia hạn;

d) Bị thu hồi Giấy phép thành lập theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

2. Thủ tục, thời gian đề nghị chấm dứt hoạt động đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này gồm:

a) Tổ chức, cá nhân thành lập làm đơn đề nghị chấm dứt hoạt động theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định gửi Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh nơi cơ sở hỗ trợ nạn nhân đặt trụ sở;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị chấm dứt hoạt động, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh phải có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có ý kiến bằng văn bản.

3. Trong thời hạn ít nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc, trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động của cơ sở theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này, người đứng đầu cơ sở hỗ trợ nạn nhân phải gửi văn bản thông báo với Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh nơi cơ sở đặt trụ sở về việc chấm dứt hoạt động, phương án giải quyết đối với nạn nhân, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan khác. Thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động phải được công bố công khai tại trụ sở của cơ sở.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định không gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân hoặc ngày quyết định thu hồi Giấy phép theo quy định tại Điểm c, điểm d khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải công bố về việc chấm dứt hoạt động và nêu rõ thời điểm chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Chương III

CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN, NẠN NHÂN

Điều 18. Đối tượng hỗ trợ

1. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam, người nước ngoài;

2. Người chưa thành niên đi cùng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân

Điều 19. Chế độ hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại

1. Chế độ hỗ trợ gồm:

a) Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân không có chỗ ở thì được hỗ trợ bố trí chỗ ở tạm thời trong thời gian chờ làm thủ tục để tạm trú tại cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân;

b) Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian tạm trú tại cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân. Thời gian hỗ trợ tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước không quá 90 (chín mươi) ngày;

c) Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân trong thời gian tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân được cấp 03 (ba) bộ quần áo dài, 03 (ba) bộ quần áo lót, khăn mặt, dép nhựa, xô nhựa, chậu nhựa, bàn chải, thuốc đánh răng, xà phòng, băng vệ sinh (đối với nạn nhân là nữ);

c) Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú được hỗ trợ tiền ăn trong những ngày đi trên đường; hỗ trợ chi phí đi lại theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

2. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân là người dưới 18 tuổi thì Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện) hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tự mình hoặc phối hợp với cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ xã hội đưa nạn nhân về nơi người thân thích cư trú.

3. Trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ:

a) Cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ quan Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (đơn vị tiếp nhận, giải cứu nạn nhân); cơ sở hỗ trợ nạn nhân; cơ sở bảo trợ xã hội.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ quan Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (đơn vị tiếp nhận, giải cứu nạn nhân) không có điều kiện bố trí ăn, ở cho nạn nhân, sau khi tiếp nhận, giải cứu và làm các thủ tục xác định nạn nhân, cơ quan tiếp nhận, giải cứu chuyển nạn nhân đến cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân để thực hiện việc hỗ trợ theo quy định.

b) Cơ quan chịu trách nhiệm hỗ trợ chi phí đi lại và tiền ăn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này gồm: Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

Trường hợp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân là người dưới 18 tuổi thì cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân chịu trách nhiệm cử người giám hộ trong suốt quá trình; nạn nhân ở cơ sở, khi làm các thủ tục pháp lý để trở về nơi cư trú.

4. Căn cứ vào các chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại khoản 2 Điều này và tình hình thực tế của địa phương, các cơ quan theo quy định tại khoản 3 Điều này lập dự toán trong ngân sách chi thường xuyên hàng năm của đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 20. Hỗ trợ y tế

1. Chế độ hỗ trợ y tế gồm chi phí khám bệnh và chi phí chữa bệnh.

2. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân sau khi được giải cứu, tiếp nhận được kiểm tra sức khỏe và chăm sóc y tế để phục hồi sức khỏe.

Trường hợp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân bị ốm nặng phải chuyển đến cơ sở y tế điều trị thì chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế do người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân hoặc gia đình của họ tự thanh toán.

3. Đối với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người dưới 18 tuổi được cơ sở hỗ trợ nạn nhân hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho các đối tượng tương ứng. Đối với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân không còn thân nhân được cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho đối tượng thuộc hộ nghèo.

Trường hợp đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng thì được quỹ bảo hiểm y tế chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

4. Trường hợp người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân chết trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân, sau 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền mà thân nhân không đến kịp hoặc không có điều kiện mai táng thì cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm tổ chức mai táng. Chi phí giám định pháp y, chi phí mai táng thực hiện theo quy định đối với đối tượng tại các Trung tâm bảo trợ xã hội.

5. Căn cứ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này và tình hình thực tế của địa phương, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân lập dự toán chi phí hỗ trợ y tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 21. Hỗ trợ tâm lý

1. Chế độ hỗ trợ tâm lý cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân gồm tư vấn, tham vấn tâm lý và thực hiện các liệu pháp trị liệu nhóm.

2. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân được hỗ trợ để ổn định tâm lý trong thời gian chờ xác định là nạn nhân.

3. Nạn nhân sau khi được tiếp nhận, giải cứu trở về nơi cư trú được hỗ trợ để ổn định tâm lý, thời gian hỗ trợ ổn định tâm lý không quá 90 (chín mươi) ngày từ ngày được tiếp nhận, giải cứu.

4. Nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân được hỗ trợ để ổn định tâm lý.

5. Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hỗ trợ tâm lý cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân.

6. Cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm tổ chức các hoạt động hỗ trợ giúp nạn nhân ổn định tâm lý trong thời gian lưu trú.

7. Đối với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân là người dưới 18 tuổi, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân có trách nhiệm liên hệ, đánh giá về mức độ an toàn đối với người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân khi trở về gia đình hoặc nơi cư trú trước khi đưa họ trở về.

Điều 22. Trợ giúp pháp lý

1. Chế độ trợ giúp pháp lý gồm:

a) Tư vấn pháp luật để phòng ngừa bị mua bán trở lại;

b) Trợ giúp làm thủ tục đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, nhận chế độ hỗ trợ, đòi bồi thường thiệt hại, tham gia tố tụng;

c) Các thủ tục pháp lý khác có liên quan đến vụ việc mua bán người.

2. Trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

Điều 23. Hỗ trợ học văn hóa, học nghề

1. Chế độ hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu gồm:

a) Nạn nhân là người dưới 18 tuổi được miễn học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Nạn nhân có nhu cầu học nghề thì được hỗ trợ một lần chi phí học nghề. Mức hỗ trợ theo chi phí đào tạo nghề tương ứng tại các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương;

c) Nạn nhân khi trở về nơi cư trú được tạo điều kiện để có việc làm, ổn định cuộc sống.

2. Thủ tục thực hiện chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân được quy định như sau:

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ của nạn nhân hoặc của gia đình nạn nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận người đề nghị hỗ trợ là nạn nhân;

b) Trình tự và thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là nạn nhân, nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân làm đơn gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của nạn nhân hoặc gia đình nạn nhân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gửi Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 02 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Cơ quan quản lý nhà nước về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề và quyết định trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân.

Điều 24. Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn

1. Nạn nhân khi trở về nơi cư trú được hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu theo mức do Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

2. Nạn nhân có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng được hưởng các chính sách tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội thì được ưu tiên cho vay vốn theo quy định về chính sách tín dụng.

Điều kiện, thời hạn và mức vốn cho vay thực hiện theo quy định về chính sách tín dụng.

Điều 25. Hỗ trợ chi phí phiên dịch

1. Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài, người Việt Nam không biết tiếng Việt được hỗ trợ chi phí phiên dịch cho ngôn ngữ họ có thể hiểu được trong thời gian làm các thủ tục xác minh là nạn nhân theo mức do Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

2. Nạn nhân là người nước ngoài, người Việt Nam không biết tiếng Việt được hỗ trợ chi phí phiên dịch cho ngôn ngữ họ có thể hiểu được trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo mức do Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

Chương IV

TIẾP NHẬN, XÁC ĐỊNH, GIẢI CỨU; BẢO VỆ NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN, NẠN NHÂN

Mục 1

XÁC MINH, XÁC ĐỊNH, TIẾP NHẬN NGƯỜI CÓ DẤU HIỆU BỊ XÂM HẠI BỞI HÀNH VI MUA BÁN NGƯỜI, NGƯỜI ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH LÀ NẠN NHÂN, NẠN NHÂN LÀ CÔNG DÂN VIỆT NAM BỊ MUA BÁN RA NƯỚC NGOÀI

Điều 26. Xác minh, xác định, tiếp nhận người có dấu hiệu bị xâm hại bởi hành vi mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân đang ở nước ngoài

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài), khi tiếp nhận thông tin, tài liệu về người có dấu hiệu bị xâm hại bởi hành vi mua bán người do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan chức năng của Việt Nam ở trong nước trao đổi hoặc do người có dấu hiệu bị xâm hại bởi hành vi mua bán người, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân, người biết việc đến trình báo trong trường hợp người có dấu hiệu bị xâm hại bởi hành vi mua bán người đã được giải cứu hoặc họ đến trình báo tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì thực hiện các công việc sau:

a) Tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin, thu thập tài liệu liên quan đến việc họ bị mua bán và các giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, giấy tờ xuất nhập cảnh Việt Nam;

b) Hướng dẫn họ kê khai thông tin theo mẫu của Bộ Ngoại giao. Trường hợp họ là trẻ em hoặc người không có khả năng tự kê khai thì cán bộ tiếp nhận ghi lại theo lời khai của họ;

c) Phối hợp với cơ quan chức năng nước sở tại hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho họ và người dưới 18 tuổi đi cùng.

d) Trường hợp đủ căn cứ để xác định là công dân Việt Nam và là nạn nhân thì thực hiện các biện pháp bảo hộ công dân; cấp giấy thông hành cho nạn nhân về nước đối với những trường hợp không có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp lệ.

đ) Trường hợp chưa đủ cơ sở xác định là công dân Việt Nam hoặc chưa đủ căn cứ xác định là nạn nhân thì trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày kể từ khi nhận được thông tin, tài liệu về người khai là nạn nhân, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm gửi văn bản, kèm theo hồ sơ của người đó (gồm Tờ khai có đầy đủ yếu tố nhân sự, các thông tin, tài liệu do phía nước ngoài, tổ chức quốc tế cung cấp hoặc do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thu thập được) về Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an để xác minh theo quy định tại khoản 2 Điều này, đồng gửi Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao để phối hợp.

Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy thông hành cho nạn nhân đối với những trường hợp đồng ý nhận trở về mà không có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp lệ.

e) Đối với trường hợp không xác định được nhân thân hoặc không đủ căn cứ xác định là nạn nhân thì giải quyết theo quy định chung của pháp luật Việt Nam và nước sở tại.

g) Thực hiện các thủ tục cần thiết (bố trí phương tiện, thị thực xuất cảnh) và phối hợp với cơ quan chức năng nước sở tại, các tổ chức quốc tế (nếu có) để tổ chức cho người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân đã có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp lệ về nước; thông báo bằng văn bản cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh về phương tiện, thời gian, cửa khẩu nhập cảnh; chi tiết nhân thân, số và loại giấy tờ xuất nhập cảnh của nạn nhân, của nhân viên nước sở tại hoặc tổ chức quốc tế đi cùng nạn nhân (nếu có) trước khi nạn nhân nhập cảnh ít nhất 05 (năm) ngày để tổ chức tiếp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc xác minh, xác định nạn nhân của cơ quan chức năng ở trong nước:

a) Ngay sau khi nhận được văn bản đề nghị xác minh của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm tổ chức xác minh hoặc chỉ đạo Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan (sau đây gọi tắt là Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh) xác minh, đồng thời gửi văn bản cho Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Bộ Công an để phối hợp xác minh khi cần thiết.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu xác minh, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh báo cáo kết quả xác minh về Cục Quản lý xuất nhập cảnh qua đường điện mật hoặc fax đồng thời gửi bằng văn bản.

b) Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày kể từ khi nhận được kết quả xác minh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm trả lời cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và đồng gửi văn bản cho Cục Lãnh sự để phối hợp.

3. Tổ chức tiếp nhận nạn nhân trở về qua cửa khẩu sân bay quốc tế:

a) Cục Quản lý xuất nhập cảnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành liên quan thực hiện việc tiếp nhận như sau:

- Trước ngày nạn nhân dự kiến nhập cảnh ít nhất 03 (ba) ngày, Cục Quản lý xuất nhập cảnh thông báo về thời gian, địa điểm, danh sách nạn nhân trở về cho Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cửa khẩu nạn nhân trở về để phối hợp tiếp nhận;

- Tại cửa khẩu nạn nhân nhập cảnh: thực hiện việc đối chiếu, kiểm diện và tiếp nhận nạn nhân; ký Biên bản giao, nhận nạn nhân bị mua bán từ nước ngoài trở về (mẫu Biên bản giao, nhận nạn nhân bị mua bán tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này) với cơ quan chức năng nước ngoài (nếu có); làm thủ tục nhập cảnh cho nạn nhân; kiểm tra hồ sơ của nạn nhân do phía nước ngoài bàn giao hoặc đưa cho nạn nhân mang về; nếu chưa có Tờ khai dùng cho nạn nhân bị mua bán từ nước ngoài trở về thì hướng dẫn nạn nhân kê khai; cấp Giấy chứng nhận về nước cho nạn nhân (mẫu Giấy chứng nhận về nước tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này);

- Nếu nạn nhân có nguyện vọng tự trở về nơi cư trú thì hỗ trợ tiền tàu xe và tiền ăn trong thời gian đi đường. Trường hợp nạn nhân là trẻ em, người không có khả năng tự trở về địa phương nơi cư trú thì thông báo cho người thân thích

đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân thích của nạn nhân cư trú. Trường hợp nạn nhân không có nơi cư trú hoặc có nguyện vọng lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân, nạn nhân là trẻ em không nơi nương tựa thì bàn giao nạn nhân (kèm theo các giấy tờ có liên quan) cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cửa khẩu để giải quyết theo quy định của pháp luật;

- Thông báo bằng văn bản cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi nạn nhân về cư trú để quản lý, theo dõi.

b) Tại cửa khẩu nạn nhân nhập cảnh, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội phối hợp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh lấy lời khai ban đầu của nạn nhân để khai thác, thu thập thông tin, tài liệu về tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi mua bán người, phục vụ công tác điều tra, xử lý theo pháp luật.

c) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cửa khẩu sau khi nhận bàn giao nạn nhân từ Cục Quản lý xuất nhập cảnh, có trách nhiệm đưa nạn nhân vào cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân tại địa phương mình để thực hiện việc hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức tiếp nhận nạn nhân trở về qua cửa khẩu đường bộ, đường sắt, cảng biển:

a) Cục Quản lý xuất nhập cảnh thông báo cho Công an cấp tỉnh nơi có cửa khẩu nạn nhân nhập cảnh chậm nhất là 03 (ba) ngày trước khi nạn nhân dự kiến nhập cảnh để chỉ đạo Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tiếp nhận.

b) Công an cấp tỉnh nơi có cửa khẩu nạn nhân nhập cảnh khi nhận được thông báo của Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm trao đổi, thống nhất kế hoạch tiếp nhận với Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cửa khẩu nạn nhân nhập cảnh để phối hợp tiếp nhận.

c) Đồn Biên phòng cửa khẩu nơi nạn nhân nhập cảnh chủ trì thực hiện: đối chiếu, kiểm diện nạn nhân; ký Biên bản giao, nhận nạn nhân bị mua bán từ nước ngoài trở về với cơ quan chức năng nước ngoài; hướng dẫn nạn nhân kê khai vào Tờ khai dành cho nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài và làm thủ tục nhập cảnh cho nạn nhân, sau đó bàn giao nạn nhân cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh.

d) Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh sau khi nhận bàn giao nạn nhân thì cấp Giấy chứng nhận về nước cho nạn nhân và phối hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh lấy lời khai ban đầu của nạn nhân để khai thác, thu thập thông tin, tài liệu về tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi mua bán người, phục vụ công tác điều tra, xử lý theo pháp luật.

Nếu nạn nhân có nguyện vọng tự trở về nơi cư trú, thì hỗ trợ chi phí đi lại và tiền ăn trong thời gian đi đường; trường hợp nạn nhân là trẻ em, người không có khả năng tự trở về địa phương nơi cư trú thì thông báo cho người thân đến nhận hoặc bố trí người đưa về nơi người thân của nạn nhân cư trú; trường hợp nạn nhân không có nơi cư trú hoặc có nguyện vọng được lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, hoặc nạn nhân là trẻ em không nơi nương tựa thì bàn giao nạn nhân (kèm theo các giấy tờ có liên quan) cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cửa khẩu tiếp nhận nạn nhân để hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

đ) Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi tiếp nhận nạn nhân sau khi đã thực hiện các thủ tục nêu trên, thông báo cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi nạn nhân về cư trú để quản lý, theo dõi.

e) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi nhận bàn giao nạn nhân từ Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh có trách nhiệm đưa nạn nhân vào cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân tại địa phương mình để thực hiện việc hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Xác minh, xác định, tiếp nhận nạn nhân từ nước ngoài tự trở về

1. Trường hợp nạn nhân từ nước ngoài tự trở về, đến trình báo tại Đồn Biên phòng hoặc được Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển phát hiện tại khu vực biên giới, hải đảo, trên biển thì Đồn Biên phòng, Cảnh sát biển thực hiện:

a) Bố trí chỗ ở tạm thời và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho người khai là nạn nhân trong trường hợp cần thiết;

b) Lấy lời khai nạn nhân; kiểm tra các giấy tờ có liên quan đến nhân thân, quốc tịch và các thông tin tài liệu làm căn cứ xác định nạn nhân;

c) Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi mua bán người mà nạn nhân biết để phục vụ cho công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người;

d) Bàn giao nạn nhân cho Ủy ban nhân dân cấp xã gần nhất nơi người đó trình báo hoặc được phát hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện và cơ quan Công an cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận, xác minh theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

3. Trường hợp nạn nhân từ nước ngoài tự trở về, đến trình báo tại cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương thì việc tiếp nhận, xác minh, xác định, hỗ trợ nạn nhân được thực hiện như trường hợp nạn nhân bị mua bán trong nước theo quy định tại Nghị định này.

Mục 2

TIẾP NHẬN, XÁC MINH, XÁC ĐỊNH NẠN NHÂN LÀ CÔNG DÂN VIỆT NAM BỊ MUA BÁN TRONG NƯỚC

Điều 28. Tiếp nhận, xác minh, xác định nạn nhân tự đến trình báo

1. Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã khi tiếp nhận nạn nhân, người đại diện hợp pháp của nạn nhân khai báo về việc bị mua bán, có trách nhiệm hướng dẫn người đó kê khai vào Tờ khai dùng cho nạn nhân bị mua bán trong nước, trường hợp người khai báo là trẻ em hoặc người không có khả năng tự kê khai thì cán bộ tiếp nhận ghi lại theo lời khai của người đó; thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho người khai là nạn nhân trong trường hợp cần thiết; thông báo cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để thực hiện các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày kể từ khi nhận được thông báo của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã về nạn nhân, thực hiện các việc sau:

a) Trường hợp có giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân thì bố trí cho họ trở về nơi cư trú hoặc vào cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định;

b) Trường hợp chưa có giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân thì gửi văn bản đề nghị Công an cấp huyện nơi nạn nhân cư trú hoặc nơi nạn nhân khai xảy ra vụ việc mua bán người để xác minh. Trong thời gian chờ xác minh người khai là nạn nhân được hỗ trợ nhu cầu thiết yếu theo quy định của pháp luật. Sau khi có văn bản trả lời của Công an cấp huyện xác định là nạn nhân thì thực hiện việc hỗ trợ nạn nhân như đối với trường hợp đủ căn cứ xác định nạn nhân nêu tại điểm a khoản này.

3. Công an cấp huyện nơi người khai là nạn nhân cư trú hoặc nơi họ khai xảy ra vụ việc mua bán người có trách nhiệm thực hiện những việc sau:

a) Xác minh, xác định nạn nhân và trả lời kết quả trong thời hạn không quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu xác minh của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện (quy định tại điểm b khoản 2 Điều này);

b) Trường hợp xác minh thấy đủ căn cứ xác định là nạn nhân thì cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán, gửi kết quả xác minh và giấy xác nhận này về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để giải quyết việc hỗ trợ cho nạn nhân theo quy định;

c) Đối với các vụ việc phức tạp hoặc việc xác minh liên quan đến nhiều địa phương thì Công an cấp huyện báo cáo Công an tỉnh (Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội) để chỉ đạo việc xác minh; trong trường hợp này thời hạn xác minh trả lời kết quả không được quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an cấp huyện. Sau khi xác minh, nếu đủ căn cứ xác định nạn nhân thì cơ quan xác minh trả lời và cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán và thông báo cho Công an cấp huyện để thực hiện tiếp các việc quy định tại điểm b khoản này.

Điều 29. Xác minh, xác định nạn nhân được giải cứu

1. Cơ quan giải cứu (Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển) thực hiện các việc sau:

a) Trường hợp người được giải cứu có đủ căn cứ để xác định nạn nhân thì thực hiện việc hỗ trợ các nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân; cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán; bàn giao nạn nhân cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi giải cứu để thực hiện các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp chưa đủ căn cứ xác định là nạn nhân thì sau khi thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, cơ quan giải cứu bàn giao người được giải cứu cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội của địa phương đó để đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi giải cứu thực hiện các việc sau:

a) Trường hợp người được giải cứu đã được cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán thì thực hiện việc hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp chưa đủ căn cứ xác định là nạn nhân thì gửi văn bản đề nghị Công an cấp huyện nơi người được giải cứu xác minh, xác định nạn nhân; khi có kết quả xác minh thì giải quyết các thủ tục như đối với trường hợp nạn nhân bị mua bán trong nước quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này.

3. Công an cấp huyện nơi người được giải cứu thực hiện việc xác minh, xác định nạn nhân và trả lời kết quả cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định này.

Trường hợp Công an cấp huyện xác định không phải là nạn nhân, Trường phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Giám đốc cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân làm các thủ tục đưa người được giải cứu ra khỏi cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân theo quy định của pháp luật.

Mục 3

TIẾP NHẬN, XÁC MINH, XÁC ĐỊNH VÀ TRAO TRẢ NẠN NHÂN LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI BỊ MUA BÁN TẠI VIỆT NAM

Điều 30. Tiếp nhận, xác minh, xác định nạn nhân

1. Trường hợp nạn nhân chưa được giải cứu:

Khi nhận được thông tin, tài liệu về nạn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan, tổ chức trong nước trao đổi hoặc do người biết việc đến trình báo, cơ quan tiếp nhận thông tin có trách nhiệm báo ngay cho Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh nơi nạn nhân bị giữ để xác minh, điều tra, giải cứu.

2. Trường hợp nạn nhân đã được giải cứu hoặc khai là nạn nhân tự trình báo:

a) Cơ quan Công an, Biên phòng, Cảnh sát biển nơi giải cứu nạn nhân hoặc cơ quan Công an (cấp xã, huyện, tỉnh) nơi tiếp nhận người khai là nạn nhân thực hiện việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân nếu thấy cần thiết và chuyển ngay người đó đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi nạn nhân được giải cứu hoặc nơi gần nhất nạn nhân khai báo về việc bị mua bán. Trường hợp người được giải cứu có đủ căn cứ xác định nạn nhân thì cơ quan giải cứu cấp Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán trước khi chuyển giao.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, sau khi tiếp nhận nạn nhân, thực hiện ngay các việc sau:

Đưa nạn nhân vào cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để chỉ đạo việc hỗ trợ nạn nhân trong thời gian chờ xác minh;

Thông báo cho Cơ quan quản lý nhà nước về ngoại vụ cấp huyện nơi nạn nhân được lưu giữ biết để thực hiện công tác đối ngoại theo quy định;

Thông báo cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh biết để thực hiện các công việc nêu tại điểm c khoản này.

c) Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh khi nhận được thông tin về nạn nhân, có trách nhiệm phối hợp với Sở Ngoại vụ khẩn trương tiếp xúc với nạn nhân và thực hiện các việc sau:

Kiểm tra giấy tờ tùy thân, việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của nạn nhân tại Việt Nam; lấy lời khai sơ bộ (nếu nạn nhân không biết tiếng Việt thì sử dụng người phiên dịch trong quá trình lấy lời khai);

Chụp ảnh 06 (sáu) ảnh cỡ 4cm x 6 cm và hướng dẫn nạn nhân kê khai vào Tờ khai dùng cho nạn nhân bị mua bán trong nước. Trường hợp nạn nhân là trẻ em, người không biết tiếng Việt thì phiên dịch ghi lại theo lời khai của họ;

Báo cáo về Cục Quản lý xuất nhập cảnh và gửi kèm theo hồ sơ gồm: Tờ khai dùng cho nạn nhân bị mua bán trong nước, 05 (năm) ảnh của nạn nhân, Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán (nếu có), kết quả lấy lời khai sơ bộ nạn nhân và các tài liệu khác (nếu có);

Trường hợp không đủ căn cứ xác định nạn nhân thì phải có văn bản đề nghị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh nơi người đó khai bị mua bán hoặc được giải cứu để tiến hành xác minh. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu xác minh, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm và trật tự xã hội Công an cấp tỉnh phải trả lời kết quả cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh đó để báo cáo Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

d) Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo về nạn nhân của Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh kiểm tra các thông tin liên quan đến việc nhập xuất cảnh, cư trú của nạn nhân và có văn bản trao đổi với Cục Lãnh sự kèm theo Tờ khai dùng

cho nạn nhân bị mua bán trong nước, 03 (ba) ảnh và Giấy xác nhận nạn nhân bị mua bán và các tài liệu liên quan (nếu có);

đ) Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày kể từ khi nhận được văn bản của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cục Lãnh sự có trách nhiệm gửi công hàm (kèm theo hồ sơ nạn nhân và 02 (hai) ảnh) cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước nạn nhân khai có quốc tịch (hoặc thường trú) để yêu cầu việc bảo hộ, xác minh, nhận trở về nạn nhân.

Điều 31. Trao trả nạn nhân

1. Cục Lãnh sự khi nhận được công hàm của cơ quan đại diện ngoại giao của nước mà nạn nhân là công dân (hoặc thường trú) trả lời đồng ý nhận trở về, kèm theo giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh đã được cấp cho nạn nhân, có trách nhiệm thống nhất với phía nước ngoài về thời gian, cửa khẩu, phương tiện chuyên chở nạn nhân về nước (trường hợp phía nước ngoài không bố trí được phương tiện chuyên chở thì có thể đề nghị các tổ chức quốc tế tại Việt Nam hỗ trợ), sau đó thông báo bằng văn bản và chuyển giấy tờ xuất, nhập cảnh của nạn nhân cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

2. Cục Quản lý xuất nhập cảnh trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Lãnh sự có trách nhiệm thực hiện:

a) Cấp thị thực xuất cảnh, tạm trú cho nạn nhân (được miễn thu lệ phí, thời hạn của thị thực, tạm trú phù hợp với thời hạn đưa nạn nhân về nước);

b) Thông báo kế hoạch đưa nạn nhân về nước cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đang lưu giữ nạn nhân; Công an cửa khẩu sân bay quốc tế hoặc Bộ đội Biên phòng cửa khẩu đường bộ nơi nạn nhân sẽ xuất cảnh; các tổ chức quốc tế (nếu có liên quan) để phối hợp đưa nạn nhân về nước;

c) Chuyển cho Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi lưu giữ nạn nhân giấy tờ xuất nhập cảnh và các tài liệu liên quan đến nạn nhân để thực hiện thủ tục đưa nạn nhân về nước.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi lưu giữ nạn nhân chỉ đạo cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân đưa nạn nhân tới cửa khẩu và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc đưa nạn nhân về nước.

4. Tại cửa khẩu đưa nạn nhân về nước, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi nạn nhân được lưu giữ phối hợp với Đoàn Công an cửa

khẩu sân bay quốc tế thực hiện các thủ tục xuất cảnh cho nạn nhân (nếu nạn nhân về bằng đường hàng không) hoặc bàn giao cho Bộ đội Biên phòng nơi có cửa khẩu quốc tế đường bộ để trao trả nạn nhân cho phía nước ngoài (nếu nạn nhân về bằng đường bộ).

Điều 32. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật

1. Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a) Áp dụng ngay biện pháp bảo vệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 33 của Luật trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác;
- b) Áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 33 của Luật khi có căn cứ cho rằng người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, nạn nhân, người thân thích của họ bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm.
- c) Yêu cầu người được bảo vệ chấp hành các quy định để bảo đảm an toàn cho họ trong quá trình bảo vệ.
- d) Yêu cầu chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp trong việc áp dụng các biện pháp bảo vệ.
- đ) Giữ bí mật việc bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ.

2. Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp bảo vệ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 33 của Luật

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ phải có văn bản đề nghị gửi cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp khẩn cấp có thể đề nghị trực tiếp hoặc qua điện thoại và các hình thức thông tin, liên lạc khác nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản.

Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ phải ghi rõ: Thời gian, địa điểm làm văn bản; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, nơi cư trú của người làm văn bản; đề nghị bảo vệ cho ai; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, nơi cư trú của người được đề nghị bảo vệ (nếu người làm văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ cho người khác); lý do đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ và những nội dung khác có liên quan.

b) Cơ quan nhận được đề nghị bảo vệ phải xem xét, xác định sự cần thiết áp dụng các biện pháp bảo vệ.

Trường hợp có căn cứ cho rằng nạn nhân, người thân thích của họ bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm cần phải áp dụng biện pháp bảo vệ thì ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

Trường hợp xét thấy không cần thiết áp dụng biện pháp bảo vệ thì phải có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân đề nghị bảo vệ biết rõ lý do.

c) Trong quá trình thụ lý vụ việc nếu có căn cứ cho rằng nạn nhân, người thân thích của họ bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và cần phải áp dụng biện pháp bảo vệ thì người có thẩm quyền quy định tại 3 Điều 33 của Luật ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ.

d) Quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ phải ghi rõ: Thời gian, địa điểm ra quyết định; tên cơ quan có trách nhiệm bảo vệ; họ tên, chức vụ của người ra quyết định; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, nơi cư trú của người được bảo vệ; các biện pháp bảo vệ được áp dụng; thời gian bắt đầu áp dụng biện pháp bảo vệ và những nội dung khác có liên quan đến việc bảo vệ.

đ) Trường hợp khẩn cấp, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ có thể điều động lực lượng, phương tiện đến bảo vệ hoặc bố trí nơi tạm lánh để bảo đảm an toàn cho người được bảo vệ trước khi ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ.

e). Trong quá trình bảo vệ, nếu phát sinh yêu cầu cần áp dụng thêm biện pháp bảo vệ thì người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ đề nghị người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ phù hợp.

g) Khi người được bảo vệ không còn bị xâm hại, đe dọa bị xâm hại thì người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ ra quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ. Quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ phải ghi rõ lý do chấm dứt biện pháp bảo vệ.

h) Quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ, quyết định bổ sung quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ, quyết định chấm dứt biện pháp bảo vệ được gửi cho người được bảo vệ, cơ quan yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Hồ sơ áp dụng biện pháp bảo vệ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 33 của Luật bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị bảo vệ;
- b) Lý lịch cá nhân của người được bảo vệ;
- c) Tài liệu thể hiện người được bảo vệ bị xâm hại, có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản;
- d) Quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ;
- đ) Quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo vệ;

e) Các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến việc bảo vệ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (... b), ...

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính